

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Số 1 Lương Định Của -Phường Mai -Đống Đa-Hà Nội



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 01 tháng 01 năm 2022
<b>100</b>	<b>A – Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1.203.847.410.231</b>	<b>1.043.929.670.002</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>316.023.968.198</b>	<b>311.756.939.756</b>
111	1. Tiền	201.323.968.198	185.756.517.839
112	2. Các khoản tương đương tiền	114.700.000.000	126.000.421.917
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6.200.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.200.000.000	4.900.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>330.728.878.913</b>	<b>298.255.569.880</b>
131	1. Phải thu khách hàng	278.045.876.757	257.796.086.787
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	35.752.898.239	29.603.348.859
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	18.775.569.911	13.172.172.681
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(1.845.465.994)	(2.346.822.581)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	-	30.784.134
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>546.092.222.864</b>	<b>422.417.051.535</b>
141	1. Hàng tồn kho	564.375.600.893	438.933.705.744
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(18.283.378.029)	(16.516.654.209)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>4.802.340.256</b>	<b>6.600.108.831</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	4.637.552.014	4.662.272.765
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	62.405.498	78.533.719
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	102.382.744	1.859.302.347
<b>200</b>	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>864.152.306.800</b>	<b>888.028.909.599</b>
<b>210</b>	<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>718.072.105.266</b>	<b>735.346.286.010</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	504.103.903.527	520.079.274.953
222	- Nguyên giá	844.961.605.736	839.212.104.813
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(340.857.702.209)	(319.132.829.860)
227	2. Tài sản cố định vô hình	213.968.201.739	215.267.011.057
228	- Nguyên giá	252.910.135.393	251.886.385.393
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(38.941.933.654)	(36.619.374.336)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>18.819.091.458</b>	<b>14.665.287.758</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18.819.091.458	14.665.287.758
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>26.061.735.380</b>	<b>26.061.735.380</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.061.735.380	26.061.735.380
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>101.199.374.696</b>	<b>111.955.600.451</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	27.941.935.414	28.401.639.398
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.230.139.814	6.812.179.378
268	3. Tài sản dài hạn khác	786.116.230	786.116.229
269	4. Lợi thế thương mại	64.241.183.238	75.955.665.446
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.067.999.717.031</b>	<b>1.931.958.579.601</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

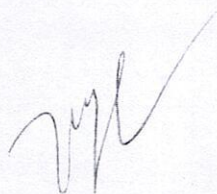
Mã số	NGUỒN VỐN	Ngày 30 tháng 06 năm 2022	Ngày 01 tháng 01 năm 2022
<b>300</b>	<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>799.907.846.292</b>	<b>627.326.065.368</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>767.208.616.575</b>	<b>595.378.037.979</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	90.901.247.667	97.028.896.191
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	7.590.390.828	22.831.444.008
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.106.873.726	9.619.847.895
314	4. Phải trả người lao động	40.976.769.257	44.780.564.418
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	25.675.832.528	18.160.270.163
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	258.433.128.109	164.789.982.615
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	288.531.396.745	200.667.360.600
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	43.992.977.715	37.499.672.089
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>32.699.229.717</b>	<b>31.948.027.389</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	1.107.748.310	162.709.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.591.481.407	31.785.318.389
<b>400</b>	<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>1.268.091.870.739</b>	<b>1.304.632.514.233</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.268.091.870.739</b>	<b>1.304.632.514.233</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết	175.869.880.000	175.869.880.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	331.245.527.850	331.245.527.850
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)	(50.000.000)	(50.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	476.476.422.878	466.830.996.208
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	201.204.462.286	247.793.187.690
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	81.004.720.376	32.181.091.389
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	120.199.741.910	215.612.096.301
429	6. Lợi ích của cổ đông thiểu số	83.345.577.725	82.942.922.485
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>2.067.999.717.031</b>	<b>1.931.958.579.601</b>

Ngày 25 tháng 07 năm 2022

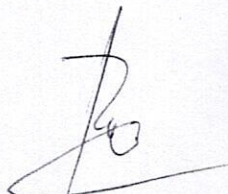
Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Như Quỳnh



Phan Thế Tý



Nguyễn Quang Trường

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Từ ngày 01 tháng 04 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	636.030.987.273	567.852.503.637	981.824.120.225	853.054.173.387
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	68.864.154.210	36.195.392.886	87.615.637.265	76.025.411.273
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	567.166.833.063	531.657.110.751	894.208.482.960	777.028.762.114
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	347.160.509.669	347.038.524.964	581.963.897.223	511.360.424.118
20	<b>5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ</b>	<b>220.006.323.394</b>	<b>184.618.585.787</b>	<b>312.244.585.737</b>	<b>265.668.337.996</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	3.926.750.356	2.282.811.481	5.676.575.041	3.346.170.214
22	7. Chi phí tài chính	7.796.487.004	9.462.251.339	10.868.147.104	13.980.810.415
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	3.033.824.865	4.290.831.819	5.335.255.218	7.865.515.119
25	8. Chi phí bán hàng	59.336.213.729	55.705.710.255	85.844.254.173	74.142.692.147
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	61.909.746.986	51.047.000.529	89.261.146.013	71.789.671.397
30	<b>10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>94.890.626.031</b>	<b>70.686.435.145</b>	<b>131.947.613.488</b>	<b>109.101.334.251</b>
31	11. Thu nhập khác	498.985.615	2.628.041.899	5.411.142.976	2.913.396.516
32	12. Chi phí khác	535.415.713	364.356.087	889.948.023	858.431.251
40	<b>13. Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	<b>(36.430.098)</b>	<b>2.263.685.812</b>	<b>4.521.194.953</b>	<b>2.054.965.265</b>
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>94.854.195.933</b>	<b>72.950.120.957</b>	<b>136.468.808.441</b>	<b>111.156.299.516</b>
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.075.572.957	9.531.473.656	14.879.428.709	12.917.414.699
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.953.413.864)	(1.600.908.288)	(1.605.204.797)	(740.196.994)
60	<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>85.732.036.840</b>	<b>65.019.555.589</b>	<b>123.194.584.529</b>	<b>98.979.081.811</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01 tháng 04 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2021	Lũy kế năm 2022	Lũy kế năm 2021
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	83.237.053.258	63.118.114.671	120.199.741.910	96.401.254.905
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2.494.983.582	1.901.440.918	2.994.842.619	2.577.826.906
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.736	2.622	6.839	4.516
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.736	2.622	6.839	4.516

Ngày 25 tháng 07 năm 2022

Người lập

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế Toán Trưởng

Phan Thế Tý

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quang Trường

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Lũy kế đến 30/06/2022	Lũy kế đến 30/06/2021
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	825.868.287.017	728.842.915.613
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(711.712.478.047)	(812.973.166.376)
3	Tiền chi trả cho người lao động	(90.070.568.349)	(91.079.858.737)
4	Tiền lãi vay đã trả	(6.281.681.362)	(6.829.869.281)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10.923.824.680)	(10.590.308.049)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	43.854.457.529	49.500.879.886
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(105.633.425.074)	(158.533.573.266)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(54.899.232.966)</b>	<b>(301.662.980.210)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(7.315.720.544)	(16.331.118.545)
22	Tiền thu hồi từ thanh lý TSCĐ	1.052.939.315	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(9.600.000.000)	(5.300.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	2.363.000.000	4.800.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(1.250.453.112)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	6.501.781.167	3.699.053.250
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>	<b>(6.998.000.062)</b>	<b>(14.382.518.407)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	-
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
33	Tiền thu từ đi vay	287.217.202.447	450.260.657.070
34	Tiền trả nợ gốc vay	(185.853.166.302)	(213.560.712.634)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(35.199.142.000)	(44.011.139.925)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>66.164.894.145</b>	<b>192.688.804.511</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>4.267.661.117</b>	<b>(123.356.694.106)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>311.756.939.756</b>	<b>262.078.958.511</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(632.675)	3.303.649
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>316.023.968.198</b>	<b>138.725.568.054</b>

Ngày 25 tháng 07 năm 2022

Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tý



Nguyễn Quang Trường

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 14 với mã số 0101449271 ngày cấp 18/05/2021.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng

##### 5. Cấu trúc doanh nghiệp

➤ Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Đơn vị trực thuộc</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.	Nước CHXDND Lào

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

- Đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có các công ty con như sau:

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên công ty</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Hoạt động chính trong kỳ</b>
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	53.80%	53.80%	Phường Phú Lãm. Hà Đông. Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90.02%	90.02%	Xã Điện Thắng Bắc. Thị xã Điện Bàn. Quảng Nam	Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp, vật tư phục vụ nông nghiệp; chế biến kinh doanh nông sản; đại lý bán buôn bán lẻ.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96.41%	96.41%	Quận Tân Bình. Thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	Huyện Lý Nhân. tỉnh Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; n/c ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
5	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam	98.92%	100%	Huyện Thập Mười. tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, chế biến, kinh doanh hạt giống cây trồng và nông sản

(\*) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

(\*\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (công ty con của Công ty) nắm 30% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

- Tại ngày 30/06/2022 tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 668 người.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

#### ➤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- |                           |                |                                     |
|---------------------------|----------------|-------------------------------------|
| ➤ Bà Trần Kim Liên        | - Chủ tịch     |                                     |
| ➤ Bà Lê Thị Lệ Hằng       | - Phó chủ tịch |                                     |
| ➤ Ông Trần Đình Long      | - Thành viên   | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022 |
| ➤ Bà Nguyễn Thị Trà My    | - Thành viên   |                                     |
| ➤ Ông Nguyễn Quang Trường | - Thành viên   |                                     |
| ➤ Bà Nguyễn Ngọc Anh      | - Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022   |

#### ➤ BAN KIỂM SOÁT

- |                     |              |
|---------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | - Trưởng ban |
| Ông Đỗ Tiến Sỹ      | - Thành viên |
| Ông Lương Ngọc Thái | - Thành viên |

#### ➤ BAN GIÁM ĐỐC

- |                         |  |
|-------------------------|--|
| Ông Nguyễn Quang Trường | - Tổng giám đốc                                |
| Ông Đỗ Bá Vọng          | - Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ 01/03/2022) |
| Ông Nguyễn Hải Thọ      | - Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ 01/03/2022) |
| Ông Phạm Trung Dũng     | - Phó Tổng giám đốc                            |
| Ông Dương Quang Sáu     | - Phó Tổng giám đốc                            |

## II. KỶ KẾ TOÁN. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch .
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2014 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Báo cáo tài chính Hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD. CNY. LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

a. Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

➤ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể bị suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.), có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	
Máy móc và trang thiết bị	5 - 15
Thiết bị VP và dụng cụ quản lý	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 15
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	
Bản quyền, bằng sáng chế	2 - 8
Phần mềm máy tính	5 - 6
Tài sản cố định khác	15

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

#### 9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

#### 10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

#### 12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

#### 15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

#### 16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

#### 17. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc nghiên cứu sản phẩm mới, mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng cho công nhân viên, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

#### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.

Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

#### 19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

#### 20. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**21. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện. dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

**22. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

**23. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

➤ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu. thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN; căn cứ Nghị Định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ "Thu nhập của doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ. Điều kiện có doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu.

Năm 2022 là năm thứ 12 Công ty đáp ứng được điều kiện trên nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập có doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ là 5%, các thu nhập khác không hình thành từ kết quả KHCN là 20%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

24. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phân ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

25. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

➤ **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam và báo cáo tài chính của các Công ty con - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam; Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam; Công ty CP đầu tư và phát triển Nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam và Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

➤ **Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.**

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

➤ **Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:** Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

➤ **Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

- Công ty liên kết là một công ty và công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	4.150.882.233	4.391.769.112
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	197.173.085.965	181.364.748.727
Các khoản tương đương tiền	114.700.000.000	126.000.421.917
<b>Cộng</b>	<b>316.023.968.198</b>	<b>311.756.939.756</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**2. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Nắm giữ đến ngày chờ đáo hạn	6.200.000.000	4.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.200.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>

**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tỷ lệ sở hữu (%)			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>➤ Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	306.080	53.80%	306.080	53.80%
Công ty CP cây trồng Trung Ương Quảng Nam (i)	450.100	90.02%	450.100	90.02%
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	12.794.862	96.41%	12.794.862	96.41%
Công ty cổ phần đầu tư và PTNT nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam	4.700.000	94.00%	4.700.000	94.00%
Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam		70%		70%
<b>➤ Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed (ii)	194.126	19,49%	194.126	19,49%

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Giá trị đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Công ty cổ phần						
Tập đoàn ThaiBinh						
Seed	26.061.735.380			26.061.735.380		

**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<b>Phải thu khách hàng:</b>		
- Cục Trồng trọt	105.558.000.000	61.525.000.000
- Chi nhánh Hà Nội- Công ty CP DVTM Tổng hợp Vincommerce	19.783.338.389	17.792.906.971
- Phải thu khách hàng khác	152.704.538.368	178.478.179.816
<b>Cộng</b>	<b>278.045.876.757</b>	<b>257.796.086.787</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.845.465.994)	(2.346.822.581)

**4. Trả trước cho người bán**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<b>Trả trước cho các nhà thầu xây dựng</b>	<b>7.777.641.555</b>	<b>841.177.590</b>
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác	7.777.641.555	841.177.590
Trả trước cho nhà cung cấp khác	27.975.256.684	29.755.784.469
Ứng trước tiền hàng	-	
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	27.975.256.684	29.755.784.469
<b>Cộng</b>	<b>35.752.898.239</b>	<b>29.603.348.859</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	1.302.094.221		3.541.212.915	
Phải thu dự án	4.549.731.584		2.457.724.302	
Chi phí sản xuất	1.236.863.958		2.279.148.791	
BHXH, KPCĐ	130.492.914		260.949.603	
Khoán 01	2.353.933.376		200.850.756	
Thù lao HĐQT			632.000.000	
Ký cược, ký quỹ			60.037.070	
Công ty CP SOLAR Đồng Tháp	320.122.926			
Tiền giải phóng mặt bằng	2.114.960.000			
Phải thu khác	<u>6.767.370.932</u>		<u>3.740.249.244</u>	
<b>Cộng</b>	<b><u>18.775.569.911</u></b>		<b><u>13.172.172.681</u></b>	

**6. Nợ xấu**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn				
- Khách hàng khác	<u>1.845.465.994</u>		<u>2.346.822.581</u>	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.845.465.994</u></b>		<b><u>2.346.822.581</u></b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**7. Hàng tồn kho**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	44.066.964.778		45.768.902.047	
Công cụ, dụng cụ	2.601.205.021		1.412.809.114	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.034.079.081		4.471.113.275	
Thành phẩm	501.783.091.257	18.283.378.029	376.805.988.652	16.516.654.209
Hàng hoá	10.890.260.756		10.474.892.656	
<b>Cộng</b>	<b>564.375.600.893</b>	<b>18.283.378.029</b>	<b>438.933.705.744</b>	<b>16.516.654.209</b>

**8. Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<b>Tổng số chi phí XDDB dở dang, trong đó:</b>		
Dự án Phương Mai	1.019.394.700	1.019.394.700
Cải tạo trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Cờ Đỏ	17.535.321.758	10.979.828.573
Dự án khác	264.375.000	2.666.064.485
<b>Cộng</b>	<b>18.819.091.458</b>	<b>14.665.287.758</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

<b>Nội dung</b>	<b>Nhà cửa</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận chuyển</b>	<b>Dụng cụ văn phòng</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>498.945.947.091</b>	<b>278.705.379.972</b>	<b>52.009.920.822</b>	<b>5.591.600.364</b>	<b>3.959.256.564</b>	<b>839.212.104.813</b>
Tăng trong năm	3.541.877.706	2.973.082.248		36.771.819		6.551.731.773
Thanh lý		(230.940.000)	(571.290.850)			(802.230.850)
Phân loại lại						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>502.487.824.797</b>	<b>281.447.522.220</b>	<b>51.438.629.972</b>	<b>5.628.372.183</b>	<b>3.959.256.564</b>	<b>844.961.605.736</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>159.028.416.326</b>	<b>119.805.527.303</b>	<b>34.727.262.359</b>	<b>4.687.939.884</b>	<b>883.683.988</b>	<b>319.132.829.860</b>
Khấu hao trong năm	10.531.013.627	10.117.385.593	1.643.991.261	28.122.246	168.134.472	22.488.647.199
Thanh lý		(192.484.000)	(571.290.850)			(763.774.850)
Phân loại lại						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>169.559.429.953</b>	<b>129.730.428.896</b>	<b>35.799.962.770</b>	<b>4.716.062.130</b>	<b>1.051.818.460</b>	<b>340.857.702.209</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>339.917.530.765</b>	<b>158.899.852.669</b>	<b>17.282.658.463</b>	<b>903.660.480</b>	<b>3.075.572.576</b>	<b>520.079.274.953</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>332.928.394.844</b>	<b>151.717.093.324</b>	<b>15.638.667.202</b>	<b>912.310.053</b>	<b>2.907.438.104</b>	<b>504.103.903.527</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỒNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>156.014.620.089</b>	<b>67.644.953.560</b>	<b>20.444.100.000</b>	<b>3.508.150.824</b>	<b>4.274.560.920</b>	<b>251.886.385.393</b>
Tăng trong năm				1.023.750.000		1.023.750.000
Thanh lý						
Phan loại lại						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>156.014.620.089</b>	<b>67.644.953.560</b>	<b>20.444.100.000</b>	<b>4.531.900.824</b>	<b>4.274.560.920</b>	<b>252.910.135.393</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm		19.218.618.642	13.450.075.541	2.983.904.455	966.775.698	36.619.374.336
Khấu hao trong năm		1.184.137.264	861.674.992	151.134.964	125.612.098	2.322.559.318
Thanh lý						
Phan loại lại						
Số dư cuối năm		20.402.755.906	14.311.750.533	3.135.039.419	1.092.387.796	38.941.933.654
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>156.014.620.089</b>	<b>48.426.334.918</b>	<b>6.994.024.459</b>	<b>524.246.369</b>	<b>3.307.785.222</b>	<b>215.267.011.057</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>156.014.620.089</b>	<b>47.242.197.654</b>	<b>6.132.349.467</b>	<b>1.396.861.405</b>	<b>3.182.173.124</b>	<b>213.968.201.739</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**11. Chi phí trả trước**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa, cải tạo	564.448.078	696.229.703
Nguyên vật liệu, công cụ xuất dùng, khấu hao TSCD chờ phân bổ	4.019.553.796	3.730.294.119
Chi phí khác	53.550.140	235.748.943
<b>Cộng</b>	<b>4.637.552.014</b>	<b>4.662.272.765</b>
<b>b. Chi phí dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa cải tạo	360.799.270	2.021.126.318
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng khu CN Đồng Văn I	9.328.409.752	9.409.420.882
Tiền thuê đất	4.689.098.797	5.125.536.410
Đầu tư vào hệ thống SX điện tại công ty Vinasolar	6.582.035.648	6.759.928.505
Công cụ, dụng cụ	6.614.848.167	2.970.667.283
Chi phí khác	366.743.780	2.114.960.000
<b>Cộng</b>	<b>27.941.935.414</b>	<b>28.401.639.398</b>

**12. Lợi thế thương mại tại ngày 30/06/2022**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Tổng cộng	HSC	QSC	SSC
<b>1. Nguyên giá</b>	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
Số dư đầu năm	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
<b>2. Khấu hao</b>				
Số dư đầu năm	184.891.066.000	26.557.087.281	1.478.397.988	156.855.580.731
Tăng trong năm	11.714.482.208		95.550.302	11.618.931.906
Số dư cuối năm	196.605.548.208	26.557.087.281	1.573.948.290	168.474.512.637
<b>3. Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	75.955.665.446		432.608.057	75.523.057.389
Tại ngày cuối năm	64.241.183.238		337.057.754	63.904.125.483

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>288.531.396.745</b>	<b>288.531.396.745</b>	<b>258.079.561.392</b>	<b>170.215.525.247</b>	<b>200.667.360.600</b>	<b>200.667.360.600</b>
Vay ngân hàng ngắn hạn	288.531.396.745	288.531.396.745	258.079.561.392	170.215.525.247	200.667.360.600	200.667.360.600
Vay dài hạn đến hạn trả						
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả						
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>288.531.396.745</b>	<b>288.531.396.745</b>	<b>258.079.561.392</b>	<b>170.215.525.247</b>	<b>200.667.360.600</b>	<b>200.667.360.600</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**14. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn****14.1. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Phải trả nhà thầu	998.606.361	998.606.361	998.606.361	998.606.361
Phải trả người bán	89.902.641.306	89.902.641.306	96.030.289.830	96.030.289.830
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên- Trung Quốc	18.152.578.326	18.152.578.326	45.770.519.413	45.770.519.413
- Phải trả người bán khác	71.750.062.980	71.750.062.980	50.259.770.417	50.259.770.417
b Phải trả dài hạn	-	-		
<b>Cộng</b>	<b>90.901.247.667</b>	<b>90.901.247.667</b>	<b>97.028.896.191</b>	<b>97.028.896.191</b>

**14.2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Người mua trả tiền trước	7.590.390.828	22.831.444.008
<b>CỘNG</b>	<b>7.590.390.828</b>	<b>22.831.444.008</b>

**15. Chi phí phải trả**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
a <b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>25.675.832.528</b>	<b>18.160.270.163</b>
Chi phí lãi vay phải trả	114.676.858	160.181.788
Chiết khấu thương mại, thanh toán	1.498.016.640	5.109.198.533
Chi phí phải trả tiền bản quyền	3.023.834.318	3.256.321.278
Chi phí sản xuất	4.941.712.676	
Chi phí phải trả khác	16.097.592.036	9.634.568.564
b <b>Phải trả dài hạn</b>	<b>32.699.229.717</b>	<b>31.948.027.389</b>
Phải trả dài hạn khác	1.107.748.310	162.709.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.591.481.407	31.785.318.389

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Cuối kỳ
Phải thu				
Thuế GTGT	78.533.719	78.533.719	62.405.498	62.405.498
Thuế khác	1.859.302.347	1.854.725.863	97.806.260	102.382.744
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.937.836.066</b>	<b>1.933.259.582</b>	<b>160.211.758</b>	<b>164.788.242</b>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	621.062.658	1.931.874.362	1.782.329.172	645.269.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.971.099.541	12.530.394.350	10.687.162.327	9.814.331.564
Thuế thu nhập cá nhân	666.259.763	9.382.259.198	9.184.454.774	389.319.143
Thuế khác	361.425.933	3.706.139.429	3.809.611.509	257.953.853
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.619.847.895</b>	<b>27.550.667.339</b>	<b>25.463.557.782</b>	<b>11.106.873.726</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

<b>17. Phải trả khác</b>	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Cổ tức phải trả	124.536.198.375	36.109.228.685
Trợ cấp mất việc làm và các khoản trả CBCNV đã nộp thuế	16.574.801.358	17.527.650.731
Dự án	1.455.077.198	808.077.198
KPCĐ, BHXH	425.268.757	190.837.266
Thù lao HĐQT và BKS	12.000.000	62.167.866
Các khoản CKTM, HTVC	118.679.500	
CTY CP PHÁT TRIỂN NHÀ DAEWON THỦ ĐỨC	23.816.250.000	23.816.250.000
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÀ CANTAVIL	76.183.750.000	76.183.750.000
Tiền giải phóng mặt bằng Hà Nam	2.000.000.000	4.000.000.000
Phải trả cho đơn vị khoán sản xuất	665.498.891	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.645.604.030	6.092.020.869
<b>Cộng</b>	<b>258.433.128.109</b>	<b>164.789.982.615</b>

**18. Doanh thu chưa thực hiện**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước		
<b>Cộng</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu: xem lại phần chênh lệch quỹ**

ĐVT: VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	427.620.050.949	188.686.201.576	78.071.571.871	1.201.443.232.246
Phát hành cổ phiếu							
Lợi nhuận trong năm					219.342.351.360	6.288.443.059	219.342.351.360
Giảm do tăng tỷ lệ SH tại công ty con							
Mua lại cổ phiếu quỹ							
Bán lại cổ phiếu quỹ cho cán bộ CNV							
Phân bổ vào các quỹ				61.478.555.916	(61.478.555.916)		
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi					(25.359.968.021)	(360.763.785)	(25.359.968.021)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm							-
Thù lao hội đồng quản trị, BKS					(2.791.376.850)	(196.438.637)	(2.791.376.850)
Sử dụng quỹ				(22.267.610.657)			(22.267.610.657)
Chia cổ tức					(70.298.064.000)	(790.234.500)	(70.298.064.000)
Tăng/Giam khác					(307.400.459)	(69.655.523)	(377.055.982)
Số dư cuối năm	175.869.880.000	331.245.527.850	(50.000.000)	466.830.996.208	247.793.187.690	82.942.922.485	1.304.632.514.233

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Bảng biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>175.869.880.000</b>	<b>331.245.527.850</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>466.830.996.208</b>	<b>247.793.187.690</b>	<b>82.942.922.485</b>	<b>1.304.632.514.233</b>
Lợi nhuận trong năm					120.199.741.910		120.199.741.910
Phân bổ vào các quỹ				20.138.485.286	(19.545.726.003)		592.759.283
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi					(22.456.399.616)		(22.456.399.616)
Thù lao hội đồng quản trị					(1.384.238.471)		(1.384.238.471)
Sử dụng quỹ				(10.493.058.616)			(10.493.058.616)
Chia cổ tức					(122.892.087.286)		(122.892.087.286)
Tặng/Giam khác					(510.015.938)	402.655.240	(107.360.698)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>175.869.880.000</b>	<b>331.245.527.850</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>476.476.422.878</b>	<b>201.204.462.286</b>	<b>83.345.577.725</b>	<b>1.268.091.870.739</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
- Vốn góp của Công ty CP Pan Farm	140.787.070.000	140.787.070.000
- Vốn góp của đối tượng khác	35.082.810.000	35.082.810.000
<b>Cộng</b>	<b>175.869.880.000</b>	<b>175.869.880.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức chia lợi nhuận**

	2022 (VND)	2021 (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	175.869.880.000	175.869.880.000

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông. trong đó:	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại phổ thông		
+ Số lượng cổ phiếu trả cổ tức trong năm		
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	12.472	12.472

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

**e. Cổ tức**

	Năm 2022	Năm 2021
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	40%	70%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

	30/06/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	473.076.005.172	466.830.996.208
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
<b>Cộng</b>	<b>473.076.005.172</b>	<b>466.830.996.208</b>

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

**7. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a, Tài sản nhận giữ hộ (VND)		
b, Hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	141.119.742.000	75.902.382.000
Ngoại tệ các loại:	-	
- Đô la Mỹ (USD)	1.796.090,810	141.760,51
- Nhân dân tệ (CNY)	47.583,750	80.317,69
- Euro (EURO)	80.316	171
Nợ khó đòi đã xử lý	10.716.972.907	10.716.972.907

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.**

Đơn vị tính : VND

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Doanh thu bán hàng	975.660.582.325	850.623.120.426
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.163.537.900	2.431.052.961
<b>Cộng</b>	<b>981.824.120.225</b>	<b>853.054.173.387</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Chiết khấu thương mại	31.963.567.849	29.981.153.293
Giảm giá hàng bán	453.032.612	361.609.886
Hàng bán bị trả lại	55.199.036.804	45.682.648.094
<b>Cộng</b>	<b>87.615.637.265</b>	<b>76.025.411.273</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Giá vốn của hàng hóa đã bán	578.683.946.275	510.868.737.750
Giá vốn cung cấp dịch vụ	568.518.782	491.686.368
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng bán phòng giảm giá hàng tồn kho g tồn kho	2.711.432.166	
<b>Cộng</b>	<b>581.963.897.223</b>	<b>511.360.424.118</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Lãi chênh lệch tỷ giá	995.853.127	1.080.751
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.941.260.000	1.941.260.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.739.461.914	1.403.829.463
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	
<b>Cộng</b>	<b>5.676.575.041</b>	<b>3.346.170.214</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Lãi tiền vay	5.335.255.218	7.865.515.119
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.754.535.692	557.236.624
Chiết khấu thanh toán	169.768.663	5.558.058.672
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.608.587.531	
<b>Cộng</b>	<b>10.868.147.104</b>	<b>13.980.810.415</b>

**6. Lợi nhuận khác**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Thu nhập khác	5.411.142.976	2.913.396.516
Chi phí khác	889.948.023	858.431.251
<b>Cộng</b>	<b>4.521.194.953</b>	<b>2.054.965.265</b>

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>a. Chi phí bán hàng</b>	<b>85.844.254.173</b>	<b>74.142.692.147</b>
Chi phí nhân viên	21.939.181.254	13.797.100.476
Chi phí mua ngoài	27.560.778.131	29.420.814.619
Chi phí khấu hao	3.845.142.953	3.791.118.307
Các khoản chi phí bán hàng khác	32.499.151.835	27.133.658.745
<b>b. Chi phí quản lý</b>	<b>89.261.146.013</b>	<b>71.789.671.397</b>
Chi phí nhân viên	45.916.335.745	31.044.193.247
Các khoản chi phí QLDN khác	31.630.328.060	29.030.995.942
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	11.714.482.208	11.714.482.208

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	871.269.503.609	798.343.965.306
Chi phí nhân công	86.555.251.867	67.980.760.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.525.688.725	37.178.293.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.282.242.002	78.046.979.839
Chi phí bằng tiền khác	32.762.145.166	70.459.683.787
<b>Cộng</b>	<b>1.089.394.831.369</b>	<b>1.052.009.682.535</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đơn vị tính : VND

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	14.879.428.709	12.929.602.984
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay		(12.188.285)
Thuế thu nhập hoãn lại	(1.605.204.797)	(740.196.994)

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Tại 30/06/2022	Tại 30/06/2021
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	120.199.741.910	96.401.254.905
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(17.032.476.535)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	120.199.741.910	79.368.778.370
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	17.574.516	17.574.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	6.839	4.516

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.****1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

ĐVT : VND

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	287.217.202.447	450.260.657.070
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác		

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	185.853.166.302	213.560.712.634
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác		

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

ĐVT : VND

**1. Lợi nhuận sau thuế**

	Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	83.237.053.258	63.118.114.671
<b>Cộng</b>	<b>83.237.053.258</b>	<b>63.118.114.671</b>

Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2022 tăng 31,88% so với quý 2 năm 2021 do công ty tăng sản lượng hàng bán trong đó tăng lượng hàng bán bản quyền và mở rộng thêm được thị trường gạo và xuất khẩu gạo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**2. Các giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với bên liên quan khác**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
Thù lao, lương và thưởng của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	15.050.824.018	14.051.238.290
<b>Cộng</b>	<b>15.050.824.018</b>	<b>14.051.238.290</b>

**3. Các cam kết****Cam kết liên quan đến tiền thuê đất**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	30/06/2022 (VND)	31/12/2021 (VND)
Đến 1 năm	4.247.201.053	4.247.201.053
Trên 1 – 5 năm	3.158.629.417	3.158.629.417
Trên 5 năm	55.463.840.475	55.732.296.125
<b>Cộng</b>	<b>62.869.670.945</b>	<b>63.138.126.595</b>

**4. Thông tin so sánh**

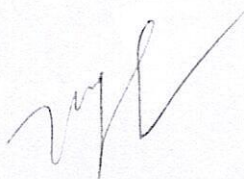
Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Ngày 25 tháng 07 năm 2022

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Tỷ

Nguyễn Quang Trường